

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 06-7-2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng, ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, 23, 24, Tòa nhà M, số 229 T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P – Giám đốc Ngân hàng TMCP X chi nhánh Hải Dương.

Những người được ông Lê Văn P ủy quyền lại: Ông Đoàn Trung K - Chuyên viên Phòng tổ tụng - Khối XL&THN Ngân hàng TMCP X và ông Nguyễn Văn T - Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP X chi nhánh H.

Bị đơn: Ông Anh Vũ Tất T, sinh năm 1983 và chị Ngô Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã Vĩnh H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1958

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương

3.2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương

Hiện đang sinh sống tại Đài Loan.

Ông T, ông Th có mặt, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 03/11/2017, Ngân hàng TMCP X chi nhánh H và vợ chồng anh Vũ Tất T, chị Ngô Thị H ký 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD, có nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng TMCP X cho anh T, chị H vay số tiền 950.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng bù đắp tiền mua đất; thời hạn vay 240 tháng; lãi suất cho vay 9,5%/năm trong 24 tháng đầu tiên sau giải ngân; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn được áp dụng kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và có thể được Ngân hàng TMCP X điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP X trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; lịch trả nợ gốc vào ngày 26 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 660.695.2017/HĐTD-CN/PGBankHD, có nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng TMCP X cho anh T, chị H vay số tiền 1.550.000.000 đồng; mục đích vay bù đắp tiền xây nhà; lãi suất cho vay 9,5%/năm trong 24 tháng đầu tiên sau giải ngân; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn được áp dụng kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và có thể được Ngân hàng TMCP X điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP X trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; lịch trả nợ gốc vào ngày 26 hàng tháng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày 28/8/2017 ông Th, bà T và Ngân hàng TMCP X chi nhánh Hải Dương ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 276/HĐTC/PGBHD17, theo đó: Ông Th, bà T thế chấp cho Ngân hàng TMCP X quyền sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ số 07, diện tích 155 m² tại thôn P, xã V, huyện B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã, đang hoặc sẽ hình thành, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Thửa đất trên đã được UBND huyện Bình Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BI 987927 ngày 20/7/2012 mang tên ông Th, bà T. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B ngày 03/11/2017.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, anh T, chị H đã được Ngân hàng TMCP X giải ngân vốn vay đối với Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD số tiền 950.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 660.694.01/2017/KUNN-CN/PGBankHD ngày 03/11/2017; giải ngân vốn vay đối với Hợp đồng tín dụng số 660.695.2017/HĐTD-CN/PGBankHD số tiền 750.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 660.695.01/2017/KUNN-CN/PGBankHD ngày 03/7/2017. Tuy nhiên, anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng đã ký

kể từ tháng 12/2019. Nay, Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải trả toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/10/2021 là 1.853.159.456 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 1.037.854.242 đồng, trong đó: Nợ gốc 850.981.595 đồng, lãi trong hạn 155.699.347 đồng, lãi quá hạn 16.176.071 đồng, lại chậm trả lãi 14.997.229 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 660.695/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 815.305.214 đồng, trong đó: Nợ gốc 671.875.000 đồng, lãi trong hạn 121.441.276 đồng, lãi quá hạn 10.218.039 đồng, lại chậm trả lãi 11.770.899 đồng.

Buộc anh T và chị H phải trả tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP X. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đức Th trình bày: Việc anh T, chị H vay tiền của Ngân hàng TMCP X và việc vợ chồng ông giao kết Hợp đồng thế chấp để đảm bảo các khoản vay cho vợ chồng anh T, chị H; việc vợ chồng anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng TMCP X, số tiền đã trả, số tiền còn nợ của anh T, chị H thống nhất như đại diện nguyên đơn trình bày trên. Bà T là vợ ông hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh T, chị H cũng đã đi khỏi địa phương trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T, chị H và bà T, nhưng họ vẫn thường xuyên liên lạc cho ông qua điện thoại, toàn bộ tài liệu do Tòa án giao cho ông và niêm yết tại gia đình ông, ông đều thông báo nội dung cho anh T, chị H và bà T được biết. Ông đề nghị Ngân hàng TMCP X tạo điều kiện cho anh T và chị H được trả nợ dần.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh T, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T nhưng những người này không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng TMCP X giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 06/7/2022 là 1.991.412.927 đồng, cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 1.112.544.799 đồng, trong đó: Nợ gốc 850.981.595 đồng, lãi trong hạn 209.828.204 đồng, lãi quá hạn 23.528.289 đồng, lại chậm trả lãi 28.206.711 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng số 660.695/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 878.868.128 đồng, trong đó: Nợ gốc 671.875.000 đồng, lãi trong hạn 165.651.087 đồng, lãi quá hạn 19.073.897 đồng, lại chậm trả lãi 22.268.144 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp

đồng thể chấp đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán cho khoản nợ thì anh T, chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP X. Ngân hàng TMCP X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Th xác định số tiền anh T, chị H đã trả và số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng như Ngân hàng TMCP X đưa ra là đúng. Ông đề nghị Ngân hàng TMCP X tạo điều kiện giảm một phần lãi cho anh T, chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, buộc anh T, chị H phải trả Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc là 1.522.856.595 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X buộc anh T, chị H phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là anh T, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T. Tuy nhiên, những người này đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ. Nên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP X giao nộp và lời khai của các bên đương sự, có đủ căn cứ xác định: Ngày 03/11/2017, giữa Ngân hàng TMCP X chi nhánh H và vợ chồng anh T, chị H ký hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD và Hợp đồng tín dụng số 660.695/2017HĐTD-CN/PGBankHD. Theo đó, Ngân hàng TMCP X đã giải ngân cho anh T, chị H vay số tiền 1.700.000.000 đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, anh T và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12/2019. Do vậy, nay Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu anh T, chị H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại theo các hợp đồng tín dụng đã ký và khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về khoản tiền lãi chậm trả lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP X xác định đây là số tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi phạt (150% lãi suất trong hạn) mà anh T, chị H chưa trả Ngân hàng TMCP X. Tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã quy định:

“2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chứng tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

Theo quy định này, Ngân hàng TMCP X chỉ có quyền yêu cầu anh T, chị H trả lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi chậm trả của số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn. Do đó việc Ngân hàng TMCP X yêu cầu anh T, chị H phải trả tiền lãi do chậm trả trên số tiền lãi phạt (150% lãi suất trong hạn) không có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi do chậm trả lãi mà anh T, chị H đã trả đối với hợp đồng tín dụng số 660.694/2017/HĐTD-CN/PGBankHD là 414.038 đồng, đối với hợp đồng tín dụng số 660.695/2017/HĐTD-CN/PGBankHD là 349.586 đồng được trừ vào số tiền nợ gốc chưa trả theo các hợp đồng tín dụng.

Do vậy, tổng số tiền anh T, chị H phải trả Ngân hàng TMCP X tính đến ngày 06/7/2022 là 1.940.174.448 đồng, gồm:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017/HĐTD-CN/PGBankHD là 1.083.924.050 đồng, trong đó: Nợ gốc 850.567.557 đồng, lãi trong hạn 209.828.204 đồng, lãi quá hạn 23.528.289 đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 660.695/2017/HĐTD-CN/PGBankHD là 856.250.398 đồng, trong đó: Nợ gốc 671.525.414 đồng, lãi trong hạn 165.651.087 đồng, lãi quá hạn 19.073.897 đồng.

Kể từ ngày 07/7/2022, anh, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành án xong.

Hợp đồng thế chấp số 276/HĐTC/PGBHD17 ngày 03/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP X chi nhánh H và vợ chồng ông Th, bà T được lập thành văn bản, có công chứng của Văn phòng công chứng số 1 tỉnh H, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện B; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp. Ông Th, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP X quyền sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ số 07 tại thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho anh T, chị H. Do anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP X yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm là phù hợp quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp nên có căn cứ chấp nhận. Trường hợp anh T, chị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo các

Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên. Trường hợp tiền thu được từ phát mại tài sản không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ, anh T, chị H vẫn có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP X cho đến khi tất toán khoản vay.

[3] Về án phí: Anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả Ngân hàng TMCP X (1.940.174.448 đồng). Ngân hàng TMCP X phải chịu án dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận (50.474.855 đồng).

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X:

Buộc anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H phải trả Ngân hàng TMCP X toàn bộ khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 06/7/2022 tổng số tiền 1.940.174.448 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 1.083.924.050 đồng, trong đó: Nợ gốc 850.567.557 đồng, lãi trong hạn 209.828.204 đồng, lãi quá hạn 23.528.289 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 660.695/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 856.250.398 đồng, trong đó: Nợ gốc 671.525.414 đồng, lãi trong hạn 165.651.087 đồng, lãi quá hạn 19.073.897 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất 380, tờ bản đồ số 07 tại thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 276/HĐTC/PGBHD17 ngày 03/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP X chi nhánh H và Vũ Đức Th, bà Vũ Thị T để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H vẫn phải có nghĩa vụ trả phần còn thiếu cho Ngân hàng TMCP X.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc buộc anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 660.694/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 28.206.711 đồng; theo hợp đồng tín dụng số 660.695/2017HĐTD-CN/PGBankHD là 22.268.144 đồng.

[2] Về án phí: Anh Vũ Tất T và chị Ngô Thị H phải chịu 70.205.233 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP X phải chịu 2.523.742 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004605 ngày 25/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, trả lại Ngân hàng TMCP X 31.276.258 đồng.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm